

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của UBND xã Châu Sơn)

ư\

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	THỰC HIỆN		SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
			6 THÁNG ĐẦU NĂM	LUỸ KẾ NĂM 2026	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.060	3.395	4.887	53,9	
I	Thu nội địa	9.060	3.395	4.887	53,9	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	101.922	105.248	106.637	104,6	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	8.665	8.259	8.665	100,0	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	8.665	8.259	8.665	100,0	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chi NSDP theo tỷ lệ %					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	93.257	96.990	97.972	105,1	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	92.275	92.275	92.275	100,0	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	982	4.715	5.697	580,1	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
C	TỔNG CHI NSDP	99.371	40.516	99.371	100,0	
I	Chi cân đối NSDP	98.389	40.458	98.389	100,0	
1	Chi đầu tư phát triển	3.205	0	3.205	100,0	
2	Chi thường xuyên	95.184	40.458	95.184	100,0	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng ngân sách					
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	982	58	982	100,0	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của UBND xã Châu Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	THỰC HIỆN		SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
			6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	LUỸ KẾ NĂM 2026	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.060,00	3.395,36	4.887,35	53,9	
I	Thu nội địa	9.060,00	3.395,36	4.887,35	53,9	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	6.050,00	1.531,00	2.491,51	41,2	
	Thuế GTGT	5.900,00	1.458,00	2.394,27	40,6	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	150,00	18,00	21,89	14,6	
	Thuế tài nguyên		55,00	75,36		
4	Thuế thu nhập cá nhân	300,00	203,26	268,91	89,6	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	1.010,00	935,50	1.071,01	106,0	
	Phí và lệ Phí	155,00	135,60	199,41	128,7	
	Lệ phí trước bạ	850,00	799,90	871,60	102,5	
	Phí bảo vệ môi trường	5,00			0,0	
7	Các khoản thu về nhà, đất	1.300,00	663,69	810,76	62,4	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		0,23			
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		1,09	1,97		
-	Thu tiền sử dụng đất	1.300,00	662,37	808,79	62,2	
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	400,00	61,91	245,16	61,3	
II	Thu từ dầu thô					

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	THỰC HIỆN		SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
			6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	LUỸ KẾ NĂM 2026	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	4
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thu khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hòa các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	8.665,00	8.258,67	8.258,67	95,3	
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	8.665,00	8.258,67	8.258,67	95,3	

Ghi chú: Thu khác đã bao gồm thu các khoản huy động đóng góp

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của UBND xã Châu Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	THỰC HIỆN		THỰC HIỆN QUÝ SO VỚI (%)	
			6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	LUỸ KẾ NĂM 2026	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	99.371	40.516	99.371	100,0	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	98.389	40.458	98.389	100,0	
I	Chi đầu tư phát triển	3.205	0	3.205	100,0	
1	Vốn theo tiêu chí định mức của HĐND tỉnh	2.100		2.100	100,0	
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.105		1.105		
II	Chi trả nợ lãi			0		
III	Chi thường xuyên	95.184	40.458	95.184	100,0	
	Trong đó:					
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	52.463	22.633	52.463	100,0	
	Chi khoa học và công nghệ					
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước					
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính giảm biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	982	58	982	100,0	
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	982	58	982	100,0	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	0		0		

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
VÀ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của UBND xã Châu Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương			Quỹ dự trữ tài chính		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại	Số dư đầu năm	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5	7	8	9=7-8
	Tổng số	2.019	0	0	0	0	0		-	
1	Chi đầu tư phát triển			0			0			
2	Chi thường xuyên			0			0			

Trong quý I/2026, đã phân bổ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh 4.000 triệu đồng. Hiện nay, các đơn vị đang thực hiện các thủ tục giải ngân vốn.